TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 984/2026/HNGĐ-ST Ngày: 19 - 05 - 2026 V/v tranh chấp Ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nga

2. Bà Lê Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Hồ Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2026/TLST-HNGĐ Ngày 06 tháng 03 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 602/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A L, Khu phố B, phường T (Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A L, Khu phố B, phường T (Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2026, bản tự khai và tại các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Tuyết H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức K đã tự nguyện kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G (Nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 273 quyển số 01/2009 ngày 03/11/2009. Trong quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Trần Khánh P, sinh ngày 10/03/2011 và Nguyễn Minh Á, sinh ngày 21/06/2016. Sau khi kết hôn thời gian

đầu ông bà sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nguyễn Đức K thường xuyên hành hạ cả tinh thần và thể xác bà. Nhiều lần ông K tác động vật lý khiến bà chảy máu. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của bà là xin được ly hôn với ông Nguyễn Đức K.

Về con chung: Bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu ông Nguyễn Đức K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Bà đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung vì hiện nay bà làm nghề luyện viết chữ ở nhà với thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Về nhà ở bà đứng tên chung với ông K nhà đất số A L, Khu phố B, phường T (Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Thời giờ làm việc linh động nên có thời gian để chăm sóc con cái.

Bà chỉ đồng ý giao con cho ông K nuôi dưỡng với điều kiện ông K trả cho bà 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng tiền công sức bà chăm sóc, nuôi dưỡng con từ trước đến nay. Ông K có thể trả ngay hoặc sau khi chia nhà thì cấn trừ trả sau.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 06/04/2026, bị đơn là ông Nguyễn Đức K trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà Trần Thị Tuyết H về quan hệ vợ chồng và con chung. Tuy nhiên bà Trần Thị Tuyết H nói ông bạo hành bà H là không đúng. Nguyên nhân dẫn đến xô xát giữa hai vợ chồng ông là do bà H hỗn hào, chửi cha mẹ chồng nên lúc không kiềm chế được ông có vung tay tát bà H một cái chứ không bạo lực đánh đập. Công an phường T cũng đã mời hai vợ chồng ông lên làm việc và cũng xác định đây chỉ là mâu thuẫn vợ chồng chứ không phải là bạo lực gia đình như bà H nói. Nay bà Trần Thị Tuyết H xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông không đồng ý giao 02 con chung là Nguyễn Trần Khánh P, sinh ngày 10/03/2011 và Nguyễn Minh Á, sinh ngày 21/06/2016 cho bà H nuôi dưỡng mà nguyện vọng của ông là muốn được nuôi dưỡng hai con chung. Ông đủ điều kiện để nuôi con. Về nhà ở hiện nay ông và bà H đang đứng tên chung 153/48/6 L, Khu phố B, phường T (Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực chất là tài sản riêng của ông. Về công việc ông có Công ty riêng là Công ty TNHH V thu nhập một tháng từ 30.000.000 đồng. Thời giờ làm việc linh động nên có thời gian để chăm sóc con cái.

Nếu Tòa án quyết định giao 02 con chung cho ông nuôi dưỡng thì ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Nếu Tòa án quyết định giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Trần Khánh P, Nguyễn Minh Á và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Đức K.

- Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Trần Khánh P, sinh ngày 10/03/2011 và Nguyễn Minh Á, sinh ngày 21/06/2016 cho ông Nguyễn Đức K trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Đức K không yêu cầu bà Trần Thị Tuyết H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết H quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông K là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 273 quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G (Nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/2009.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng chung sống, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông K là có thật. Quá trình chung sống, giữa bà H và ông K thường xuyên xảy ra xung đột trong quan điểm sống và cách ứng xử trong gia đình. Bà H yêu cầu ly hôn ông K đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông K đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Trần Khánh P, sinh ngày 10/03/2011 và Nguyễn Minh Á, sinh ngày 21/06/2016.

Bà H và ông K đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Xét điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với điều kiện chỗ ở, bà H và ông K đều xác định căn nhà tại số A L, Khu phố B, phường T (Phường H, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh hiện đứng tên của cả bà H và ông K, tuy nhiên các bên đang có tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên chưa có

căn cứ xác định đây là điều kiện chỗ ở riêng, ổn định của riêng bên nào để làm căn cứ ưu tiên giao con.

Về việc làm và thu nhập, xét thấy ông K hiện nay là phó giám đốc kiêm kế toán và là người đứng đầu địa điểm kinh doanh Công ty TNHH V nên ông K có công việc và thu nhập ổn định, thời gian làm việc linh động nên có điều kiện đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

Đối với bà H, mặc dù bà khai hiện làm nghề luyện viết chữ tại nhà với thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về công việc và mức thu nhập như trình bày.

Về nguyện vọng của con: Hai trẻ Nguyễn Trần Khánh P và Nguyễn Minh Á đều có nguyện vọng được ở với ông K.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy ông K đủ điều kiện nuôi con hơn bà H. Do đó việc giao hai con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu xin nuôi hai con của ông K, không chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà H theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Xét ông K có khả năng điều kiện nuôi con và việc ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết H được ly hôn với ông Nguyễn Đức K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 273 quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G (Nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/2009 hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Trần Khánh P, sinh ngày 10/03/2011 và Nguyễn Minh Á, sinh ngày 21/06/2016 cho ông Nguyễn Đức K trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Đức K không yêu cầu bà Trần Thị Tuyết H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Tuyết H có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai thu số 0014107 ngày 06/03/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Tuyết H đã đóng đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7;
- Thi hành án dân sự TP HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nhung